

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**HUYỆN KẾ SÁCH**

**TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: 25/2020/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kế Sách, ngày 18 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Điều 7, Điều 8 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 334/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1965.

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ trụ sở chính: số xx, đường L, phường B, quận x, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Hải Q - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần P– Chi nhánh S.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án:

Anh Lâm Văn N, sinh năm 1982.

Chức vụ: Nhân viên quan hệ khách hàng - Ngân hàng thương mại cổ phần P- Chi nhánh S.

Địa chỉ chi nhánh: số x, đường T, phường x, thành phố S, tỉnh S.

**Bị đơn:** Chị Trần Minh Tú T, sinh năm: 1982.

Địa chỉ HKTT: số x, ấp A, xã T, huyện K, tỉnh S.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần P, bị đơn là chị Trần Minh Tú T cùng thống nhất thỏa thuận như sau:

**Chị Trần Minh Tú T** đồng ý trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền vốn vay còn nợ là 98.500.000 đồng và 11.704.675 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 08/5/2020, cộng chung là **110.204.675 đồng (một trăm mười triệu hai trăm lẻ bốn ngàn sáu trăm bảy mươi lăm đồng)**. Thanh toán một lần vào ngày 30/6/2020 (dương lịch).

Địa điểm trả tiền: Trụ sở Chi cục thi hành án Dân sự huyện Kế Sách.

Nếu ngày thanh toán nợ là ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Luật lao động thì ngày thanh toán nợ sẽ là ngày làm việc tiếp theo.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 08/5/2020, chị Trần Minh Tú T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần P thì lãi suất mà chị Trần Minh Tú T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần P.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 08/5/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Mức lãi suất hai bên thoả thuận là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thoả thuận trong hợp đồng. Trường hợp, các bên không có thoả thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Ngay sau khi chị Trần Minh Tú T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần P mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng

thương mại cổ phần P có trách nhiệm giải chấp tài sản đã thế chấp và trả lại hồ sơ thế chấp tài sản cho chị Trần Minh Tú T theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0553/2017/BĐ ngày 29/8/2017 do Văn phòng công chứng Ba Xuyên, tỉnh Sóc Trăng chứng nhận.

**Về quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án:** Trường hợp chị Trần Minh Tú T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất số 17, tờ bản đồ 67, diện tích 216m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 135m<sup>2</sup> và đất trồng cây lâu năm 81m<sup>2</sup>, thửa đất nêu trên tọa lạc tại ấp An Nhơn, xã Thới An Hội, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng do chị Trần Minh Tú T đứng tên theo giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI241591, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH04242 ngày 27/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0553/2017/BĐ ngày 29/8/2017 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P với chị Trần Minh Tú T, để đảm bảo thi hành án.

**Về chi phí tố tụng:**

Ngân hàng thương mại cổ phần P được nhận lại số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.150.000 đồng. Buộc chị Trần Minh Tú T chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P **1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi ngàn đồng)** tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

**Về án phí:**

Ngân hàng thương mại cổ phần P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **2.618.000 đồng (hai triệu sáu trăm mười tám ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0002539 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Chị Trần Minh Tú T tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **2.755.117 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn một trăm mười bảy đồng)**.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**  
*(đã ký)*

**Phạm Hải Duy**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân

thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).